

Số: 190/TCBC-BTP

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2024

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

**Văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ
ban hành trong tháng 12 năm 2023**

Thực hiện khoản 2, khoản 3 Điều 12 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012, trên cơ sở tổng hợp thông tin do các bộ, cơ quan ngang bộ cung cấp¹, Bộ Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 12 năm 2023 như sau:

I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 12 năm 2023, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật như sau:

Các Nghị định của Chính phủ:

1. Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa", "Thôn, tổ dân phố văn hóa", "Xã, phường, thị trấn tiêu biểu";

2. Nghị định số 87/2023/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam;

3. Nghị định số 91/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt và Nghị định 01/2022/ND-CP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ;

4. Nghị định số 92/2023/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ;

5. Nghị định số 93/2023/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

¹ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ Giao thông Vận tải; Bộ Tư pháp; Bộ Ngoại giao.

Các Quyết định của Chính phủ:

1. Quyết định số 30/2023/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài trực thuộc Bộ Ngoại giao;

2. Quyết định số 31/2023/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Biên giới quốc gia trực thuộc Bộ Ngoại giao.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa", "Thôn, tổ dân phố văn hóa", "Xã, phường, thị trấn tiêu biểu"

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 01 năm 2024.

Nghị định này thay thế Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Cơ sở chính trị, pháp lý:

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách về xây dựng đời sống văn hóa, trong đó đặc biệt chú trọng việc tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng về xây dựng văn hóa ở khu dân cư, cụ thể tại các văn bản sau:

Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước đã tiếp tục xác định: “Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, xây dựng gia đình thực sự là nơi hình thành, nuôi dưỡng nhân cách văn hóa và giáo dục nếp sống cho con người. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Xây dựng và nhân rộng các mô hình “Gia đình văn hóa” tiêu biểu, nền nếp, ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau. Xây dựng môi trường học thực sự là trung tâm văn hóa giáo dục, rèn luyện con người về lý tưởng, phẩm chất, nhân cách, lối sống; giáo dục truyền thống văn hóa cho thế hệ trẻ. Xây dựng đời sống văn hóa ở địa bàn dân cư, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đoàn kết, dân chủ, văn minh, đạt chuẩn thực chất về văn hóa; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng nếp sống văn hóa tiến bộ, văn minh, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng. Trong đó, quy định rõ trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đơn vị, cơ sở trong tổ chức triển khai phong trào thi đua nhằm đảm bảo việc phát động, triển khai các phong trào thi đua trong thời gian tới phải thực sự thiết thực, hướng về cơ sở, gắn kết với thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị, gắn với lợi ích của người trực tiếp tham gia thi đua, hạn chế tính hình thức trong thi đua. Sửa đổi, bổ sung một số tiêu chí, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đã thực hiện ổn định thời gian qua để phù hợp hơn với thực tiễn. Vì vậy, việc thể chế đường lối, chủ trương của Đảng về công tác thi đua khen thưởng; Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Bộ Chính trị “Về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng” là nhiệm vụ hết sức quan trọng, cần thiết nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chủ động hội nhập quốc tế; đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo phong trào thi đua, hướng thi đua ở cơ sở; gắn kết các phong trào thi đua yêu nước với thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cấp, các ngành và địa phương, đơn vị; gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua, các danh hiệu văn hóa, tạo sức lan tỏa trong toàn xã hội. Ngày 15 tháng 6 năm 2022, Luật Thi đua, khen thưởng được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 3 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. Tại Khoản 2 Điều 29, Khoản 2 Điều 30, Khoản 2 Điều 31 Luật Thi đua, khen thưởng giao Chính phủ quy định khung tiêu chuẩn xét tặng các danh hiệu Xã, phường, thị trấn tiêu biểu, Thôn, tổ dân phố văn hóa, “Gia đình văn hóa”. Tại Khoản 7 Điều 84 của Luật giao Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, thủ tục xét tặng đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng. Như vậy, với các danh hiệu thi đua trên, Chính phủ có trách nhiệm quy định chi tiết hồ sơ, thủ tục. Để các quy định về thi đua, khen thưởng có thể triển khai thi hành ngay khi Luật Thi đua, khen thưởng có hiệu lực (ngày 01/01/2024) thì việc xây dựng và ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật là cần thiết và phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Cơ sở thực tiễn:

Sau khi Quốc hội ban hành Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 đến nay, công tác thi đua, khen thưởng trong cả nước đã có nhiều chuyển biến tích cực. Các chủ trương, chính sách và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng ngày càng được hoàn thiện. Ngày 17 tháng 9 năm 2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 122/2018/NĐ-CP quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”. Qua đánh giá thực tiễn triển khai, Nghị định đã làm thay đổi về nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân về công tác xây dựng đời sống văn hóa trong gia đình và cộng đồng, góp phần thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc trong xây dựng khối Đại đoàn kết dân tộc, giữ vững an ninh chính trị

và trật tự an toàn xã hội, nâng cao dân trí, đảm bảo nhu cầu hưởng thụ về vật chất và tinh thần của Nhân dân.

Bên cạnh đó, các quy định tại Nghị định đảm bảo thể hiện chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét, công nhận các danh hiệu; phụ lục các biểu mẫu tự đánh giá tiêu chí đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình, khu dân cư trong việc áp dụng thực hiện xét tặng danh hiệu văn hóa tại địa phương. Từ đó, nhiều nội dung của phong trào đã đi vào nền nếp, chất lượng được nâng lên, góp phần thiết thực thúc đẩy hoàn thành các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

Ngoài ra, Nghị định số 122/2018/NĐ-CP của Chính phủ cũng đặt ra các quy định rõ ràng về thẩm quyền, vai trò, trách nhiệm của các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc tổ chức triển khai thực hiện. Theo đó, Nghị định đã trở thành căn cứ pháp lý quan trọng, tạo điều kiện để chính quyền địa phương thực hiện bình xét, khen tặng các danh hiệu thi đua về văn hóa hàng năm; đồng thời, tạo thuận lợi cho cán bộ làm công tác văn hóa, thi đua, khen thưởng tại cơ sở theo dõi việc bình xét các danh hiệu văn hóa, hạn chế tối đa tính hình thức.

Sau 05 năm triển khai thực hiện Nghị định số 122/2018/NĐ-CP của Chính phủ, theo số liệu thống kê của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tính đến năm 2021, cả nước đã có hơn 20.831.488/ 23.271.165 gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”, đạt tỷ lệ 89,1%; trên 67.466/87.126 khu dân cư đạt danh hiệu “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”, đạt tỷ lệ 77,4%. Tại các địa phương đã xuất hiện nhiều tấm gương điển hình trong lao động, sản xuất, học tập; điển hình về tấm gương đạo đức, lối sống, tinh thần tương thân, tương ái, uống nước nhớ nguồn, lòng yêu nước và ý thức chấp hành pháp luật của người dân trong cộng đồng dân cư... góp phần quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ về xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam.

Tuy nhiên, hiện nay một số quy định tại Nghị định số 122/2018/NĐ-CP của Chính phủ đã không còn phù hợp với Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, cụ thể:

- *Thứ nhất*, Nghị định chưa có bất kỳ quy định nào liên quan đến việc xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”. Bên cạnh đó, Nghị định đang quy định tên danh hiệu là “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” theo quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003.

- *Thứ hai*, các quy định về tặng danh hiệu thi đua tại Nghị định số 122/2018/NĐ-CP vẫn dựa trên căn cứ đăng ký tham gia thi đua xây dựng danh hiệu của hộ gia đình, khu dân cư hàng năm, trong khi đó, Luật Thi đua, khen thưởng đã bỏ căn cứ này.

- *Thứ ba*, Nghị định số 122/2018/NĐ-CP quy định các tiêu chí rất cụ thể để đánh giá từng tiêu chuẩn thi đua với các danh hiệu, các trường hợp không xét tặng danh hiệu, thang điểm, cách chấm điểm để áp dụng chung cho cả nước. Các quy định này đã trở nên không phù hợp với Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi), đó là giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu trên cơ sở khung tiêu chuẩn do Chính phủ quy định, cũng như thực hiện mục

tiêu đưa phong trào thi đua hướng về cơ sở, gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị, thiết thực, gắn với lợi ích của người trực tiếp tham gia thi đua, hạn chế tính hình thức trong thi đua, bảo đảm thực hiện đồng bộ ở 4 khâu (phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng điển hình tiên tiến).

Ngoài ra, công tác thi đua, khen thưởng đối với các danh hiệu văn hóa tại cơ sở đã xuất hiện một số tồn tại, vướng mắc, gây khó khăn trong quá trình thực hiện như:

- Việc áp dụng các thủ tục hành chính về khen thưởng, công nhận các danh hiệu thi đua văn hóa tại cấp cơ sở được đưa lên dịch vụ công với số lượng hồ sơ nhiều (hàng trăm) cho cùng một lúc nhiều cá nhân, tập thể, đơn vị và thủ tục cần phải tổ chức phúc tra, thẩm định, họp xét công khai dân chủ, lấy ý kiến nhân dân là không khả thi, khó để thực hiện theo thủ tục hành chính “một cửa - một cửa liên thông”.

- Việc bình xét, chấm điểm khu dân cư văn hóa vẫn còn một số điểm chưa được làm rõ về nội hàm câu chữ gây khó khăn trong việc xác định các trường hợp không xét tặng danh hiệu.

- Quy trình đánh giá, bình xét danh hiệu khu dân cư văn hóa phần lớn thuộc trách nhiệm của Ban Chỉ đạo phong trào cấp xã, dễ dẫn đến hiện tượng chạy theo thành tích, chất lượng xây dựng phong trào sẽ không cao. Vì vậy, việc xây dựng Nghị định quy định chi tiết về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” là cần thiết, không chỉ nhằm triển khai kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật mà còn khắc phục những khó khăn, vướng mắc thực tế hiện nay, đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác thi đua, khen thưởng và cải cách thủ tục hành chính.

c) Nội dung chủ yếu:

- Về các quy định chung

Căn cứ theo quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát và xây dựng các quy định chung đối với 03 danh hiệu thi đua là danh hiệu “Gia đình văn hóa”; danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”; danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”, cụ thể như sau:

- Việc xét tặng các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” được thực hiện hàng năm và hoàn thành việc bình xét trước ngày 25 tháng 11.

- Về thẩm quyền xét tặng danh hiệu: thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 79 và khoản 2, khoản 3 Điều 80 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022.

- Không quy định về thang điểm, cách chấm điểm đối với danh hiệu “Gia đình văn hóa” và “Thôn, tổ dân phố văn hóa”; giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết tiêu chuẩn; hướng dẫn tổ chức, thực hiện, cách thức đánh giá, bình xét đối với các danh hiệu thi đua tại địa phương.

- Quy định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận danh hiệu, cơ quan ban hành quyết định công bố công khai trên bảng tin hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và các hình thức khác theo quy định về danh sách gia đình, thôn, tổ dân phố, xã, phường, thị trấn được tặng danh hiệu thi đua nhằm đảm bảo công khai, minh bạch.

- Về các quy định cụ thể

Khung tiêu chuẩn xét tặng các danh hiệu được xây dựng trên cơ sở các quy định tại Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 và kế thừa các quy định về tiêu chí danh hiệu còn phù hợp với thực tế tại Nghị định số 122/2018/NĐ-CP.

Hiện nay, Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 giao Chính phủ quy định khung tiêu chuẩn các danh hiệu nên nội dung các quy định khung được xây dựng cụ thể, các tiêu chí rõ ràng để lựa chọn, đánh giá thực chất và chính xác các tổ chức, cá nhân cũng như thể hiện sự quy chuẩn của Nhà nước và đề cấp có thẩm quyền kiểm tra, giám sát quy trình xét tặng. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 bổ sung danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” vào các danh hiệu về văn hóa. Trên cơ sở rà soát, đánh giá thực tiễn cũng như ý kiến của các địa phương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã bổ sung khung tiêu chuẩn đối với danh hiệu mới này. Ngoài ra, khung tiêu chuẩn cũng được Ban soạn thảo nghiên cứu, xây dựng rõ ràng, cụ thể, khả thi giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể quy định chi tiết các tiêu chuẩn phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội tại địa phương và đáp ứng được yêu cầu khuyến khích, động viên cá nhân, tập thể, hộ gia đình hăng hái thi đua; ghi nhận công lao, thành tích của cá nhân, tập thể, hộ gia đình trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Về trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng

Thực hiện quy định của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 cũng như kế thừa nội dung tại Nghị định số 122/2018/NĐ-CP, các nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục xét tặng tại Nghị định đã tuân thủ các quy định tại Mục 2, Chương IV về Thẩm quyền quyết định, trao tặng; thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022. Theo đó, Nghị định đã sửa đổi các thành phần hồ sơ và cắt giảm được 02 biểu, mẫu so với Nghị định số 122/2018/NĐ-CP, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xét tặng các danh hiệu tại địa phương.

Về trình tự, thủ tục xét tặng các danh hiệu: trình tự, thủ tục xét tặng cho các danh hiệu được xây dựng rõ ràng, thống nhất, cụ thể trách nhiệm của mỗi tổ chức, cá nhân tham gia. Đặc biệt, bổ sung quy định về việc đăng tải danh sách các hộ gia đình, thôn, tổ dân phố, xã, phường, thị trấn đủ điều kiện xét tặng và thông báo, công khai trên bảng tin công cộng để lấy ý kiến người dân. Ngoài ra, Nghị định cũng bổ sung trách nhiệm của Hội đồng thi đua - khen thưởng các cấp trong việc bình xét các danh hiệu về văn hóa.

Các quy định tại Nghị định góp phần khắc phục các bất cập về hồ sơ, thủ tục xét tặng các danh hiệu hiện hành; tăng cường công tác kiểm soát thủ tục, bảo đảm

phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; sự gắn kết chặt chẽ, đồng bộ giữa cải cách, cắt giảm thủ tục hành chính với xây dựng Chính phủ điện tử và kiểm soát thủ tục hành chính nội bộ trong giai đoạn hiện nay.

- Về trách nhiệm quản lý nhà nước

Các quy định tại Nghị định cụ thể hóa việc phân định thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cấp, các ngành với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm quản lý nhà nước về khen thưởng các danh hiệu thi đua về văn hóa được thống nhất, thông suốt.

2. Nghị định số 87/2023/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định có hiệu lực từ ngày 02 tháng 02 năm 2024.

Bãi bỏ Quyết định số 130/2003/QĐ-TTg ngày 30/6/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc bảo vệ tiền Việt Nam.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Về cơ sở pháp lý: (i) Cơ sở pháp lý ban hành Quyết định số 130/2003/QĐ-TTg (Quyết định số 130) đã hết hiệu lực; (ii) Một số quy định tại Quyết định số 130/2003/QĐ-TTg không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

+ Về thực tiễn thi hành:

(i) Đối với công tác phòng, chống tiền giả: Phạm vi hoạt động của tội phạm làm tiền giả ngày càng rộng, bao gồm cả nội địa và khu vực biên giới đất liền và vùng biển. Tuy nhiên, trong văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh công tác phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam (Quyết định số 130) chỉ quy định công tác phối hợp giữa lực lượng công an, bộ đội biên phòng và lực lượng hải quan. Do vậy, cần nghiên cứu, bổ sung vào Dự thảo Nghị định về trách nhiệm tham gia của lực lượng quân đội nhân dân như lực lượng cảnh sát biển, lực lượng điều tra hình sự quân đội... nhằm tăng cường phối hợp giữa các đơn vị chức năng của cơ quan công an, lực lượng quân đội nhân dân, cơ quan hải quan và Ngân hàng Nhà nước trong công tác phòng, chống tiền giả, góp phần hạn chế rủi ro về tiền giả cho các tổ chức, cá nhân giao dịch trong xã hội và bảo vệ giá trị đồng tiền Việt Nam.

(ii) Đối với quy định sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam: Về thực tế, việc sử dụng hình ảnh đồng tiền Việt Nam với mục đích in trên các ấn phẩm sử dụng cho tuyên truyền, quảng bá, làm tài liệu tập huấn... là nhu cầu của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước. Căn cứ quy định tại Quyết định số 130, hàng năm, Ngân hàng Nhà nước đã chấp thuận bằng văn bản cho một số tổ chức có nhu cầu sao, chụp hình ảnh đồng tiền Việt Nam nhằm mục đích tuyên truyền theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về kích thước, mẫu tiền... Tuy nhiên, thời gian vừa

qua, trên thị trường xuất hiện "tiền giấy đồ chơi" là các ấn phẩm có in hình ảnh đồng tiền Việt Nam trên giấy cứng hoặc nền nhựa được mua bán công khai với tính chất là đồ chơi, tình trạng in và bán bao lì xì có sử dụng hình ảnh đồng tiền Việt Nam các loại mệnh giá... khá phổ biến. Một số đối tượng sử dụng tiền âm phủ in hình ảnh đồng tiền Việt Nam, có kích thước tương đương tiền thật để trà trộn trong giao dịch mua bán, trao đổi hàng hóa trong điều kiện thiếu ánh sáng (trời tối)... với mục đích đánh lừa người tiêu dùng. Do vậy, để hạn chế các hành vi vi phạm quy định về sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam, nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ tiền Việt Nam, đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ của Ngân hàng Nhà nước với tư cách là chủ sở hữu quyền tác giả đối với mẫu thiết kế các loại tiền Việt Nam theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, cần thiết quy định các điều kiện, tiêu chuẩn sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam trong văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời thông tin đầy đủ thủ tục hành chính về sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam, tạo điều kiện thuận tiện cho các tổ chức, cá nhân sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam đúng pháp luật.

Qua tham khảo kinh nghiệm quốc tế cho thấy, nhiều quốc gia đưa ra những quy định sao, chụp hoặc mô phỏng/tái tạo hình ảnh đồng tiền rất cụ thể và chế tài xử phạt nghiêm khắc các hành vi vi phạm nhằm bảo vệ đồng tiền quốc gia, hạn chế nguy cơ tiền giả.

Vì vậy, việc bổ sung các quy định về sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam là phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế; đồng thời cũng không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

(iii) Đối với việc xử lý tiền bị hủy hoại trái pháp luật: Thực tế thời gian qua, khi triển khai thực hiện việc xử lý tiền bị hủy hoại trái pháp luật còn có đơn vị có vướng mắc trong xử lý nghiệp vụ do trong Quyết định số 130 không có điều khoản quy định dẫn chiếu việc xử lý tiền bị hủy hoại liên quan đến vụ việc vi phạm pháp luật. Vì vậy, cần thiết hệ thống lại và bổ sung thêm các quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xử lý tiền Việt Nam bị hủy hoại trái pháp luật; cụ thể phải quy định việc xử lý từ khi phát hiện, tạm thu giữ, xác minh tiền rách nát, hư hỏng, biến dạng nghi do hành vi hủy hoại tiền trái pháp luật, xử lý kết quả sau xác minh, lưu giữ, bảo quản, giao nhận, vận chuyển, thu nhận, tiêu hủy tiền bị hủy hoại trái pháp luật. Trong xu thế phát triển, hội nhập và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, việc nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện cơ sở pháp lý là yêu cầu cần thiết nhằm đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi trong thực tiễn thi hành. Việc xây dựng, ban hành Nghị định thay thế Quyết định số 130 sẽ đảm bảo hành lang pháp lý nhằm nâng cao trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế xã hội trong việc phát hiện, thu giữ tiền giả, tiền nghi giả, giám định tiền giả, tiền nghi giả, giao nhận, bảo quản, vận chuyển, tiêu hủy tiền giả và công tác bảo vệ tiền Việt Nam, khắc phục những bất cập trong công tác phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam, góp phần đảm

bảo an ninh tiền tệ quốc gia.

- *Mục đích ban hành:* Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nhằm phát huy tốt chức năng quản lý nhà nước về công tác phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam, tạo cơ sở pháp lý để các Bộ, ngành chức năng hướng dẫn các đơn vị trực thuộc, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc phát hiện và xử lý tiền giả, tiền nghi giả, công tác bảo vệ tiền Việt Nam một cách thống nhất theo quy định của pháp luật.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định được thiết kế thành 6 chương, 27 điều, trong đó:

- (i) Chương I - Quy định chung gồm 3 điều (từ Điều 1 - Điều 3);
- (ii) Chương II - Quy định về phòng, chống tiền giả gồm 9 điều (từ Điều 4 - Điều 12);
- (iii) Chương III - Xử lý tiền Việt Nam bị hủy hoại trái pháp luật gồm 4 điều (từ Điều 13 - Điều 16);
- (iv) Chương IV - Quản lý sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam gồm 3 điều (từ Điều 17 - Điều 19);
- (v) Chương V - Quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam gồm 6 điều (từ Điều 20 - Điều 25);
- (vi) Chương VI - Điều khoản thi hành gồm 2 điều (từ Điều 26 - Điều 27).

Dự thảo Nghị định có nội dung cơ bản như sau:

- (i) Chương I - Quy định chung

Chương này quy định phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng và giải thích các từ ngữ để thống nhất cách hiểu về các thuật ngữ có liên quan, bao gồm: Tiền Việt Nam; Tiền giả; Tiền nghi giả; Hủy hoại tiền Việt Nam trái pháp luật; Sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền của quân đội. So với Quyết định số 130, tại chương này, ngoài khái niệm về tiền Việt Nam và tiền giả, Dự thảo Nghị định đưa ra khái niệm về tiền nghi giả, hủy hoại tiền Việt Nam trái pháp luật, sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền của quân đội. Ngoài ra, Dự thảo đưa ra giải thích từ ngữ chi tiết hơn về tiền Việt Nam và tiền giả.

- (ii) Chương II - Quy định về phòng, chống tiền giả

Về cơ bản, Nghị định kế thừa các quy định tại Quyết định số 130 liên quan đến việc phát hiện, xử lý tiền giả, tiền nghi giả và công tác phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam.

Ngoài ra, Nghị định bổ sung các quy định cụ thể nhằm tăng cường trách nhiệm và sự phối hợp giữa các bộ, ngành trong công tác phòng, chống tiền giả và

bảo vệ tiền Việt Nam cho phù hợp với thực tế. Các nội dung cụ thể như sau:

- Quy định việc phát hiện, thu giữ tiền giả/tạm thu giữ tiền nghi giả của Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc nhà nước, công an, cơ quan có thẩm quyền của quân đội, hải quan.
- Quy định việc tổ chức thực hiện giám định tiền giả, tiền nghi giả
- Quy định việc xử lý kết quả giám định của cơ quan giám định, các cơ quan, tổ chức thu giữ tiền giả, tiền nghi giả.
- Quy định việc lưu giữ, bảo quản, giao nhận, vận chuyển tiền giả.
- Quy định việc giao nộp tiền giả của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- Quy định việc thu nhận, tiêu hủy tiền giả của Ngân hàng Nhà nước.
- Quy định về thông tin về tiền Việt Nam và thông tin về tiền giả.
- Quy định về đào tạo nghiệp vụ về công tác giám định tiền và phòng, chống tiền giả, bảo vệ tiền Việt Nam.
- Quy định về hợp tác quốc tế trong phòng, chống tiền giả.

(iii) Chương III - Xử lý tiền Việt Nam bị hủy hoại trái pháp luật

Chương này quy định về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xử lý tiền bị hủy hoại, bao gồm:

- Quy định việc phát hiện, tạm thu giữ, xác minh tiền rách nát, hư hỏng, biến dạng nghi do hành vi hủy hoại tiền trái pháp luật.
- Quy định cụ thể về việc xử lý kết quả sau xác minh.
- Quy định việc lưu giữ, đóng gói, bảo quản, giao nhận, vận chuyển, thu nhận, tiêu hủy tiền bị hủy hoại trái pháp luật.

So với Quyết định số 130, Nghị định đã bổ sung các quy định cụ thể về xử lý tiền Việt Nam bị hủy hoại trái pháp luật để tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị có cơ sở pháp lý xử lý nghiệp vụ phát sinh trong thực tế.

(iv) Chương IV - Quản lý sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam

Chương này quy định cụ thể về điều kiện, tiêu chuẩn, việc quản lý sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam. Đây là nội dung mới, chưa được quy định trong Quyết định số 130 (Quyết định số 130 chỉ quy định nghiêm cấm sao, chụp tiền Việt Nam với bất kỳ mục đích nào không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước).

Nội dung chương được thiết kế thành 3 Điều với các quy định cụ thể như sau:

- Điều 17 quy định nguyên tắc sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam; trong đó quy định các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện sao, chụp hình ảnh tiền Việt

Nam khi đảm bảo đáp ứng nguyên tắc đã đưa ra tại Nghị định

- Điều 18 quy định các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng khi thực hiện sao, chụp tiền Việt Nam trừ các trường hợp đặc biệt như Ngân hàng Nhà nước, cơ sở in, đúc tiền, cơ quan giám định và cơ quan, đơn vị khác trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

- Điều 19 quy định các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam nhưng không đáp ứng quy định về điều kiện, tiêu chuẩn sao chụp phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước. Tại Điều này quy định cụ thể về hồ sơ đề nghị sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam và các trình tự, thời gian xử lý thủ tục hành chính về sao, chụp tiền Việt Nam.

3. Nghị định số 91/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt và Nghị định 01/2022/ND-CP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 01 năm 2024.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- *Sự cần thiết ban hành:*

+ Về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính

Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang trên đường sắt quốc gia và đường ngang công cộng trên đường sắt chuyên dùng liên quan đến quốc lộ là Bộ Giao thông Vận tải.

Nhằm tuân thủ theo định hướng về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 về phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC, việc tổ chức phân cấp giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông Vận tải về Cục Đường sắt Việt Nam là cần thiết, phù hợp. Theo đó, việc phân cấp này bảo đảm không mâu thuẫn với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật; việc phân cấp giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông Vận tải về Cục Đường sắt Việt Nam sẽ giảm đầu mối giải quyết công việc, tiết kiệm được chi phí in ấn hồ sơ, tài liệu. Mặt khác, Cục Đường sắt Việt Nam có đủ điều kiện nguồn lực để thực hiện chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang trên đường sắt quốc gia và đường ngang công cộng trên đường sắt chuyên dùng.

+ Về kéo dài niên hạn phương tiện giao thông đường sắt

Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Đường sắt 2017, phương tiện giao thông đường sắt trong quá trình khai thác sử dụng phải bảo đảm còn niên hạn sử dụng theo quy định của Chính phủ.

Đồng thời, khoản 1, khoản 2 Điều 18 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ quy định niên hạn sử dụng đối với đầu máy, toa xe chở khách không quá 40 năm; đối với toa xe chở hàng không quá 45 năm.

Sau một thời gian áp dụng quy định nêu trên, đặc biệt là do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid - 19 giai đoạn từ năm 2020 – 2022, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đã nhiều lần báo cáo về các khó khăn vướng mắc và đề xuất kiến nghị trong quá trình thực hiện.

Trên cơ sở kinh nghiệm quốc tế, hiệu quả việc đầu tư đóng mới đầu máy, toa xe sử dụng nhiên liệu diesel, kết quả đánh giá một cách khoa học, cẩn trọng, kỹ lưỡng của các chuyên gia, nhà khoa học về chất lượng kỹ thuật phương tiện giao thông đường sắt có thời hạn khai thác trên 40 năm, việc quy định niên hạn sử dụng phương tiện giao thông đường sắt trong Luật Đường sắt là chưa hợp lý, gây lãng phí. Quá trình tổng kết Luật Đường sắt 2017, các cơ quan liên quan cũng đều thống nhất nhận định này và đề xuất không quy định niên hạn sử dụng phương tiện giao thông đường sắt trong Luật Đường sắt sửa đổi.

- *Mục đích ban hành:*

Phân cấp giải quyết TTHC đối với chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang trên đường sắt quốc gia từ Bộ Giao thông Vận tải về Cục Đường sắt Việt Nam để triển khai định hướng về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước tại Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC.

Đồng thời, sử dụng có hiệu quả các phương tiện giao thông đường sắt có thời gian sử dụng trên 40 năm nhưng vẫn đảm bảo chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được tiếp tục khai thác kinh doanh vận tải đường sắt.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị định gồm 02 Điều, cụ thể như sau:

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt và Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 04/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ.

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 12 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ quy định về thẩm quyền chấp thuận chủ trương

xây dựng đường ngang và hồ sơ và trình tự thực hiện chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang.

+ Sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 04/01/2022 của Chính phủ quy định về lộ trình thực hiện niên hạn sử dụng của phương tiện giao thông đường sắt.

- Điều 2. Điều khoản thi hành.

4. Nghị định số 92/2023/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2023.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- *Sự cần thiết ban hành:*

Thời gian qua, một số bộ, cơ quan ngang bộ đã thực hiện rà soát và phát hiện một số văn bản quy phạm pháp luật không còn được áp dụng trên thực tế nhưng chưa có căn cứ pháp lý để xác định hết hiệu lực theo quy định tại các Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (năm 1996, năm 2008, năm 2015 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật). Về nguyên tắc, các văn bản này vẫn được xác định là “còn hiệu lực”. Do đó, để bảo đảm tính công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật, đồng thời bảo đảm tuân thủ đúng quy định về hiệu lực của văn bản theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020 (Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), việc ban hành văn bản để bãi bỏ các văn bản nêu trên là cần thiết.

- *Mục đích ban hành:* Xử lý hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật đã không còn được áp dụng trên thực tế nhưng chưa có căn cứ xác định hết hiệu lực theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định được xây dựng trên cơ sở Mẫu số 38 mục III Phụ lục I “Mẫu văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật” ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Dự thảo Nghị định gồm 03 điều, cụ thể là:

- Điều 1: Quy định việc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật. Các văn bản bãi bỏ toàn bộ được sắp xếp theo phạm vi điều chỉnh (trong đó sắp xếp các văn bản điều chỉnh về cùng một vấn đề được sắp xếp gần nhau) và theo thứ tự thời gian ban hành (từ ban hành trước đến ban hành sau).

- Điều 2: Quy định việc bãi bỏ một phần văn bản quy phạm pháp luật. Các văn bản bãi bỏ một phần được sắp xếp theo phạm vi điều chỉnh (trong đó sắp xếp các văn bản điều chỉnh về cùng một vấn đề được sắp xếp gần nhau) và thứ tự thời gian ban hành (từ ban hành trước đến ban hành sau).

- Điều 3: Quy định về điều khoản thi hành (Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành Nghị định).

5. Nghị định số 93/2023/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

Nghị định này thay thế Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25/06/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25/6/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hoá phi vật thể (Nghị định số 62/2014/NĐ-CP) đã mang lại hiệu quả trong quản lý nhà nước về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hoá phi vật thể. Sau khi Nghị định được ban hành, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tổ chức được 03 đợt xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hoá phi vật thể, kết quả cụ thể: Có 131 “Nghệ nhân ưu tú” được tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” và 1.750 nghệ nhân được tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” (cụ thể: Năm 2016 có 617 “Nghệ nhân ưu tú”; năm 2019 có 66 “Nghệ nhân nhân dân” và 570 “Nghệ nhân ưu tú”; năm 2022 có 65 “Nghệ nhân nhân dân” và 563 “Nghệ nhân ưu tú”). Việc xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực văn hóa phi vật thể đã góp phần động viên các “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hoá phi vật thể tiếp tục nghiên cứu, sưu tầm, gìn giữ và quan trọng hơn là truyền dạy cho thế hệ trẻ những giá trị di sản văn hoá phi vật thể mà họ đang nắm giữ, góp phần quan trọng vào sự nghiệp gìn giữ và phát huy giá trị văn hoá truyền thống, bản sắc văn hoá của dân tộc; đồng thời nâng cao nhận thức của toàn xã hội đối với công tác bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể nói riêng, di sản văn hoá nói chung. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Nghị định số 62/2014/NĐ-CP đã bộc lộ một số vướng mắc, cụ thể như sau:

- *Cơ sở pháp lý:* Ngày 15/6/2022, Quốc hội ban hành Luật Thi đua, khen thưởng 06/2022/QH15, Luật Thi đua, khen thưởng có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024. Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” để tặng cho cá nhân có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022. Vì vậy, cần xây dựng những quy định phù hợp với quy định của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 trên cơ sở bổ sung và hoàn thiện những quy định hiện hành quy định tại Nghị định số 62/2014/NĐ-CP.

- *Cơ sở thực tiễn:* Quá trình xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể cho thấy còn một số bất cập như sau:

+ Đối tượng nghệ nhân nghề thủ công truyền thống có thể nộp hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu ở cả lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì công tác xét tặng (xét theo loại hình tri thức dân gian) hoặc đề nghị xét tặng danh hiệu ở lĩnh vực thủ công mỹ nghệ do Bộ Công thương chủ trì công tác xét tặng. Điều này dẫn đến việc cùng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” đang có sự bất cập, chông chéo, trùng lặp về đối tượng xét tặng mặc dù tiêu chí để xét danh hiệu của 02 lĩnh vực này có những điểm khác biệt gây khó khăn cho cả hai việc xét tặng ở các cấp.

+ Căn cứ xác định mốc thời gian hoạt động trong nghề, số lượng học trò đào tạo được, giải thưởng do cơ quan nào khen tặng chưa được quy định rõ ràng.

- Nghị định chưa quy định “thời gian hoạt động liên quan đến việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể” là thời gian được tính như thế nào dẫn đến khó xác định được và việc xác định cũng không thống nhất tiêu chuẩn về thời gian để xét tặng.

+ Trong trình tự làm việc của Hội đồng cấp tỉnh chưa đề cập đến hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể khi lấy ý kiến đồng ý của cộng đồng dân cư nơi cư trú phải đạt tỷ lệ % bao nhiêu trên tổng số hộ gia đình tại cộng đồng dân cư.

+ Ngoài ra, một số Hội đồng cấp tỉnh chưa ưu tiên mời các cá nhân có chuyên môn cao liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành; thiếu các nhà nghiên cứu về loại hình di sản văn hoá phi vật thể tham gia Hội đồng.

+ Nghị định số 62/2014/NĐ-CP quy định “Trong một kỳ xét tặng, thành viên Hội đồng cấp tỉnh không đồng thời là thành viên Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ, Hội đồng cấp Nhà nước” là chưa phù hợp vì thực tế qua 3 đợt xét tặng vừa qua, thực hiện quy định này Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã rất khó khăn để mời thành viên tham gia Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ và Hội đồng cấp Nhà nước, hầu hết các chuyên gia có uy tín nghề nghiệp tại các khu vực, vùng miền đã tham gia Hội đồng cấp tỉnh. Việc các chuyên gia có thể tham gia nhiều cấp Hội đồng là do uy tín nghề nghiệp cá nhân của từng người. Những thảo luận, đánh giá của họ tại Hội đồng có thể sẽ giúp các thành viên khác trong Hội đồng có cái nhìn toàn diện, khách quan hơn khi xem xét, đánh giá hồ sơ.

+ Việc xây dựng hồ sơ đòi hỏi phải có minh chứng như: băng, đĩa hình, ảnh mô tả tri thức và kỹ năng đang nắm giữ, hoặc các giấy tờ liên quan tới giải thưởng ... các cá nhân có nhưng rất ít và nếu có thì làm thất lạc. Trong quá trình xây dựng hồ sơ không đủ tính thuyết phục do còn thiếu nhiều minh chứng nên hồ sơ bị loại dù thực tế bản thân có nhiều đóng góp cho việc trao truyền di sản văn hóa phi vật thể (nhiều hồ sơ kê khai rất sơ sài, nội dung chung chung, khó phân biệt được sự đóng góp của từng nghệ nhân trong cùng một thôn, xã hoặc câu lạc bộ). Ngoài ra, Bản tóm tắt thành tích của Hội đồng cấp tỉnh chưa thể hiện rõ tri thức và kỹ năng mà cá nhân đang nắm giữ cũng như quá trình thực hành di sản văn hóa phi vật thể của cá nhân (thiếu các mốc thời gian cụ thể trong quá trình thực hành, thời gian bắt đầu truyền dạy học trò; số lượng học trò, học trò tiêu biểu).

+ Từ những lý do nêu trên, để triển khai thi hành hiệu quả Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 và bảo đảm trình tự, thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hoá phi vật thể, việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 62/2014/NĐ-CP là cần thiết.

c) Nội dung chủ yếu:

- *Quy định cá nhân là người Việt Nam đang nắm giữ, thực hành, truyền dạy và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể thuộc các loại hình:* Tiếng nói, chữ viết; ngữ văn dân gian; nghệ thuật trình diễn dân gian; tập quán xã hội và tín ngưỡng; lễ hội truyền thống; tri thức dân gian; nghề thủ công truyền thống (không bao gồm nghề thủ công mỹ nghệ) là đối tượng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực văn hóa phi vật thể. Đồng thời, quy định cá nhân đã được đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp về loại hình di sản văn hóa phi vật thể mà họ đang nắm giữ, thực hành, truyền dạy và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể không thuộc đối tượng để xét tặng danh hiệu; Nghị định này cũng không áp dụng đối với cá nhân là người Việt Nam đang nắm giữ, thực hành, truyền dạy và phát huy giá trị di sản văn hóa trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

- *Quy định về giải thích một số từ ngữ:* cộng đồng dân cư, thời gian hoạt động liên quan đến việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nhằm sử dụng những khái niệm thống nhất trong toàn bộ Nghị định.

- *Quy định về nguyên tắc xét tặng,* trong đó quy định “không xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể cho cá nhân đã được đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp về loại hình di sản văn hóa phi vật thể mà họ đang nắm giữ để có thêm kỹ năng, bí quyết” vì di sản văn hóa phi vật thể được trao truyền và thực hành qua các thế hệ trong cộng đồng. Với việc quy định như vậy sẽ xác định rõ đối tượng được xét tặng danh hiệu phải là những cá nhân được trao truyền di sản từ chính cộng đồng.

- *Quy định về thẩm quyền tổ chức xét tặng, thời gian xét tặng, công bố danh hiệu, quyền và nghĩa vụ của cá nhân được tặng danh hiệu, kinh phí xét tặng và tiền thưởng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.* Theo đó, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chủ trì tổ chức việc xét tặng danh hiệu theo Kế hoạch được xây dựng trước mỗi đợt xét tặng. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm tổ chức Lễ trao tặng danh hiệu cho các nghệ nhân được tặng danh hiệu tại địa phương.

- *Quy định về quyền lợi và nghĩa vụ của các cá nhân được tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.*

- *Quy định tiêu chuẩn danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể:* Trung thành với Tổ quốc; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có phẩm chất đạo đức tốt; gương mẫu

trong cuộc sống; tâm huyết, tận tụy với nghề; mẫu mực trong thực hành, bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể; được đồng nghiệp và Nhân dân ghi nhận, mến mộ; Có tài năng hoặc kỹ năng nghề nghiệp đặc biệt xuất sắc, tiêu biểu cho loại hình di sản văn hóa phi vật thể; có công hiến to lớn cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị loại hình di sản văn hóa phi vật thể do mình đang nắm giữ, được thể hiện ở việc hiểu biết, nắm giữ bí quyết, kỹ năng thực hành về loại hình di sản văn hóa phi vật thể; có sản phẩm tinh thần hoặc vật chất có giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học, nghệ thuật, thẩm mỹ, kỹ thuật; góp phần bảo vệ và làm giàu các giá trị của di sản văn hóa phi vật thể, phát triển văn hóa, kinh tế, xã hội của đất nước; truyền dạy được nhiều cá nhân đã hoặc đang tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; có thời gian hoạt động liên tục hoặc cộng dồn từ 20 năm trở lên, liên quan đến việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; đã được tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

- *Quy định tiêu chuẩn danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể:* Trung thành với Tổ quốc; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có phẩm chất đạo đức tốt; gương mẫu trong cuộc sống; tâm huyết, tận tụy với nghề; mẫu mực trong thực hành, bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể; được đồng nghiệp và Nhân dân ghi nhận, mến mộ; có tài năng hoặc kỹ năng nghề nghiệp đặc biệt xuất sắc, tiêu biểu cho loại hình di sản văn hóa phi vật thể; có công hiến lớn cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể do mình đang nắm giữ, được thể hiện ở việc hiểu biết, nắm giữ bí quyết, kỹ năng thực hành về loại hình di sản văn hóa phi vật thể; có sản phẩm tinh thần hoặc vật chất có giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học, nghệ thuật, thẩm mỹ, kỹ thuật; góp phần bảo vệ và làm giàu các giá trị của di sản văn hóa phi vật thể, phát triển văn hóa, kinh tế, xã hội của cộng đồng địa phương; truyền dạy được nhiều cá nhân đã hoặc đang tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; có thời gian hoạt động liên tục hoặc cộng dồn từ 15 năm trở lên, liên quan đến việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

- *Quy định cụ thể về các cấp Hội đồng, thành lập, số lượng, thành phần của từng cấp Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể:* Hội đồng cấp tỉnh, Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ, Hội đồng cấp Nhà nước.

Nghị định đã xem xét điều chỉnh quy định về thành viên Hội đồng các cấp: bỏ việc quy định “Trong một kỳ xét tặng, thành viên Hội đồng cấp tỉnh không đồng thời là thành viên Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ, Hội đồng cấp Nhà nước”; sửa đổi quy định về thành phần, cơ cấu Hội đồng các cấp theo hướng giảm bớt đại diện các cơ quan hành chính, tăng thành phần các nhà chuyên môn, chuyên gia, chuyên ngành đạt 2/3 trong tổng số thành viên Hội đồng để đảm bảo chất lượng của công tác xét tặng danh hiệu và chất lượng hoạt động của Hội đồng; các chuyên gia có thể tham gia nhiều cấp Hội đồng là do uy tín nghề nghiệp cá nhân của từng người. Những thảo luận, đánh giá của họ tại Hội đồng có thể sẽ giúp các thành viên khác trong Hội đồng có cái nhìn toàn diện, khách quan hơn khi xem xét, đánh giá hồ sơ.

- *Quy định tỷ lệ phiếu đồng ý*: Nghị định đã điều chỉnh tỷ lệ phiếu đồng ý của tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp còn 80% với lý do sau:

+ Qua thực tiễn công tác xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể năm 2016, 2019 và 2022 cho thấy, một số trường hợp được Hội đồng các cấp thảo luận, đánh giá đều nhất trí khẳng định là những cá nhân có tài năng, kỹ năng nghề nghiệp xuất sắc, tiêu biểu cho từng loại hình di sản văn hóa phi vật thể, được đồng nghiệp và nhân dân mến mộ nhưng để đạt được tỷ lệ phiếu bầu đồng ý từ 90% tổng số thành viên Hội đồng có tên trong Quyết định (*trường hợp vắng mặt, Hội đồng xin ý kiến thành viên bằng văn bản*) là rất khó khăn vì lĩnh vực nghệ thuật là lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể là lĩnh vực đặc thù chuyên môn sâu với 07 loại hình di sản văn hóa phi vật thể, khó đạt được tính thống nhất tuyệt đối trong đánh giá các cá nhân có tài năng, kỹ năng nghề nghiệp xuất sắc, tiêu biểu cho từng loại hình di sản văn hóa phi vật thể. Với quy định như vậy, tại Hội đồng cấp tỉnh, các hồ sơ chỉ cần 02/12 thành viên không đồng ý là không đủ điều kiện trình Hội đồng cấp Nhà nước (đạt 83,3%); tại Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ, các hồ sơ chỉ cần 02/15 (đạt 86,7%). Tại Hội đồng cấp Nhà nước, các hồ sơ chỉ cần 03/20 thành viên không đồng ý (đạt 85%) là cũng không đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ xét trình Chủ tịch nước xét tặng danh hiệu.

+ Nhằm khắc phục những bất cập nêu trên trong công tác xét tặng danh hiệu, Ban soạn thảo quy định: “Đạt 80% phiếu đồng ý của tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp” (bỏ quy định: Lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Hội đồng vắng mặt). Khi soạn thảo các quy định này, Ban soạn thảo thấy rằng: Tuy tỷ lệ phiếu bầu đồng ý của thành viên Hội đồng giảm từ 90% xuống còn 80% so với quy định hiện hành nhưng với quy định số lượng thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp ít nhất 90% (tăng so với quy định hiện hành là 75%), đã thể hiện rõ trách nhiệm, tính thống nhất cao của Hội đồng trong xem xét, đánh giá, bỏ phiếu về tài năng, kỹ năng nghề nghiệp của cá nhân đang hoạt động, nắm giữ các loại hình di sản văn hóa phi vật thể, bảo đảm chính xác, khách quan. Vẫn khẳng định và tôn vinh được giá trị của danh hiệu vinh dự Nhà nước và phù hợp với thực tiễn công tác xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

Mặt khác, việc quy định đạt 80% phiếu đồng ý của tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp cũng trên cơ sở xem xét tương tự quy định tỷ lệ phiếu đồng ý xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật (quy định tại Nghị định số 133/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ) và danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” (Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ).

- *Quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể cụ thể tại từng cấp Hội đồng.*

Nghị định đã thống nhất trong việc tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư nơi cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu đang sinh sống và làm việc; xem xét điều chỉnh quy định về việc công khai danh sách các cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng 01 lần trước khi họp ở từng cấp Hội đồng; sửa đổi quy định tỷ lệ % số lượng thành viên có mặt tại cuộc họp Hội đồng. Quy định này thể hiện rõ trách nhiệm của các cá nhân là thành viên của Hội đồng trong tham dự cuộc họp. Việc các thành viên có mặt tại cuộc họp sẽ lắng nghe đầy đủ các ý kiến nhận xét đánh giá, thảo luận từng hồ sơ; việc bỏ phiếu sẽ chính xác và khách quan hơn. Các quy định này tạo điều kiện thuận lợi cho từng cấp xét tặng, nhất là ở cấp Hội đồng cấp tỉnh; bảo đảm sự minh bạch, thuận lợi và khoa học, thống nhất ở từng cấp xét tặng.

- Quy định hiệu lực của Nghị định và trách nhiệm tổ chức thi hành văn bản của cơ quan, tổ chức có liên quan.

6. Quyết định số 30/2023/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài trực thuộc Bộ Ngoại giao

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10/02/2024 và thay thế Quyết định số 11/2019/QĐ-TTg ngày 18/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài trực thuộc Bộ Ngoại giao.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Tinh gọn bộ máy, giảm đầu mối, giảm cấp trung gian, nâng cao hiệu lực quản lý, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước trong Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị định 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính; đồng thời đề thể chế hóa đường lối đối ngoại của Đảng tại Đại hội lần thứ XIII và căn cứ các nhiệm vụ mới được bổ sung, điều chỉnh tại Nghị định số 81/2022/NĐ-CP ngày 14/10/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định có 06 Điều gồm: Điều 1 quy định vị trí và chức năng; Điều 2 về các nhiệm vụ và quyền hạn; Điều 3 về cơ cấu tổ chức; Điều 4 về Lãnh đạo của Ủy ban; Điều 5 quy định điều khoản chuyển tiếp và Điều 6 về hiệu lực và trách nhiệm thi hành.

- Về vị trí, chức năng: Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài là cơ quan cấp tổng cục trực thuộc Bộ Ngoại giao, giúp Bộ trưởng Bộ Ngoại giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

- Về nhiệm vụ và quyền hạn: Đủ phù hợp với quy định tại điểm b khoản 9, điểm c và điểm d của khoản 17, Điều 2 Nghị định số 81/2022/NĐ-CP, tại khoản 5 và khoản 6 Điều 2 quy định hai nhiệm vụ về “Chủ trì nghiên cứu, tổng hợp đánh

giá và đề xuất các vấn đề có tính dự báo, chiến lược liên quan đến tình hình cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài” và “Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam ở nước ngoài ổn định cuộc sống, hòa nhập vào xã hội sở tại, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, ngôn ngữ và truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam; thực hiện công tác đại đoàn kết dân tộc đối với người Việt Nam ở nước ngoài; vận động thu hút và hỗ trợ phát triển nguồn lực người Việt Nam ở nước ngoài phục vụ phát triển đất nước; tổ chức, hỗ trợ, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài trong các mối liên hệ với trong nước; hỗ trợ kết nối đối mới sáng tạo.”

- Về cơ cấu tổ chức: Tổ chức lại các đơn vị thuộc Ủy ban, giảm từ 06 đơn vị hiện nay xuống còn 04 đơn vị gồm Văn phòng Ủy ban và 03 Vụ chuyên môn, cụ thể như sau:

- Tổ chức lại Tạp chí Quê hương, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, thành trang Thông tin điện tử tổng hợp của Ủy ban trực thuộc Vụ Thông tin - Văn hóa, để vừa đáp ứng nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền cho kiều bào trong tình hình mới, vừa tinh gọn bộ máy, tiết kiệm, sử dụng ngân sách hợp lý và hiệu quả hơn.

- Văn phòng Ủy ban tiếp nhận chức năng pháp chế sau khi Vụ Pháp chế - Thanh tra được giải thể; thành lập Phòng Pháp chế trực thuộc Văn phòng Ủy ban.

- Giữ nguyên mô hình tổ chức của 03 đơn vị còn lại: Vụ Nghiên cứu - tổng hợp; Vụ Thông tin - Văn hóa; Vụ Quan hệ Kinh tế, Khoa học và Công nghệ. Đổi tên của “Vụ Quan hệ Kinh tế, Khoa học và Công nghệ” thành “Vụ Kinh tế, Khoa học và Công nghệ”.

7. Quyết định số 31/2023/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Biên giới quốc gia trực thuộc Bộ Ngoại giao

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10/02/2024 và thay thế Quyết định số 10/2019/QĐ-TTg ngày 18/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Biên giới quốc gia trực thuộc Bộ Ngoại giao.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Tinh gọn bộ máy, giảm đầu mối, giảm cấp trung gian, nâng cao hiệu lực quản lý, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước trong Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị định 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính; đồng thời để thể chế hóa đường lối đối ngoại của Đảng tại Đại hội lần thứ XIII và căn cứ các nhiệm vụ mới được bổ

sung, điều chỉnh tại Nghị định số 81/2022/NĐ-CP ngày 14/10/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định có 06 Điều gồm: Điều 1 quy định vị trí và chức năng; Điều 2 về các nhiệm vụ và quyền hạn; Điều 3 về cơ cấu tổ chức; Điều 4 về Lãnh đạo của Ủy ban; Điều 5 quy định điều khoản chuyển tiếp và Điều 6 về hiệu lực và trách nhiệm thi hành.

- Về vị trí, chức năng: Ủy ban Biên giới quốc gia là cơ quan cấp tổng cục trực thuộc Bộ Ngoại giao, giúp Bộ trưởng Bộ Ngoại giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước về biên giới, lãnh thổ quốc gia.

- Về nhiệm vụ và quyền hạn: quy định chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban về hoạch định, phân giới cắm mốc biên giới quốc gia trên đất liền, phân định biển và điều ước quốc tế về biên giới quốc gia, cửa khẩu biên giới giữa Việt Nam với các nước; các phương án hoạch định biên giới quốc gia, xác định ranh giới vùng trời và các vùng biển của Việt Nam với các nước láng giềng; nghiên cứu, đề xuất chủ trương ký kết và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế về biên giới, lãnh thổ, các điều ước quốc tế về biên giới quốc gia, cửa khẩu biên giới giữa Việt Nam với các nước; tham mưu, đề xuất và tổ chức đàm phán giải quyết các vấn đề biên giới, lãnh thổ với các nước liên quan; giúp Bộ trưởng Bộ Ngoại giao chủ trì giải quyết tranh chấp pháp lý về biên giới, lãnh thổ, đấu tranh chính trị, ngoại giao, pháp lý, dư luận; xây dựng, đề xuất chủ trương, quan điểm của Việt Nam tại các diễn đàn quốc tế liên quan đến biên giới lãnh thổ; thu thập, củng cố tài liệu, chứng cứ làm cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn khẳng định chủ quyền biên giới, lãnh thổ; tham mưu, đề xuất xây dựng, triển khai chủ trương, chính sách, chiến lược, quy hoạch, phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền trên toàn quốc; tham mưu cho Chính phủ về chủ trương mở, nâng cấp cửa khẩu biên giới trên đất liền và các biện pháp cần triển khai để bảo vệ sự ổn định, rõ ràng của đường biên giới, mốc quốc giới; kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực biên giới, lãnh thổ, thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao; tổ chức tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật để phù hợp với Nghị định số 81/2022/NĐ-CP, các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và thực tiễn công tác của Ủy ban Biên giới quốc gia.

- Về cơ cấu tổ chức: Tổ chức lại các đơn vị thuộc Ủy ban, giảm từ 06 đơn vị hiện nay xuống còn 04 đơn vị gồm Văn phòng Ủy ban và 03 Vụ chuyên môn, cụ thể: Hợp nhất Vụ Biên giới Việt - Trung và Vụ Biên giới phía Tây và đổi tên thành Vụ Biên giới đất liền; Bộ phận Chính sách và Pháp lý được hợp nhất với Vụ Tuyên truyền, Thông tin – Tư liệu thành Vụ Chính sách, Pháp lý và Thông tin; Văn phòng Ủy ban được điều chỉnh, bổ sung thêm chức năng, nhiệm vụ từ Vụ Tuyên truyền, Thông tin và Tư liệu; Vụ Biển được bổ sung thêm một phần nhiệm vụ về công tác biển, đảo do Bộ phận Chính sách Pháp lý hiện nay đang đảm nhiệm.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 12 năm 2023, Bộ Tư pháp xin thông báo./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Thanh Tịnh (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để biết);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Báo Điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Cục CNTT Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Báo Pháp luật Việt Nam (để đăng tải);
- Lưu: VT, VP (TT).

**TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Đỗ Xuân Quý